TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/DS-ST
Ngày 17-6-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 254/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Minh N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Thanh Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Văn bản ủy quyền số 1382 ngày 08 tháng 7 năm 2019); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Mộng H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Kiều O – sinh năm 1973; địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1977; địa chỉ: Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Cẩm L – sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm 7, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trương Thanh Q trình bày: Do quen biết thông qua ông Nguyễn Văn L nên vào ngày 22 tháng 12 năm 2018, ông N có cho vợ chồng ông Phạm Mộng H và bà Nguyễn Kiều O vay số tiền 300.000.000 đồng. thời gian vay là 12 tháng, khi nào cần lấy tiền thì thông báo trước 30 ngày. Khi cần lấy lại vốn, ông N có liên hệ vợ chồng ông H, bà O để lấy lại vốn nhưng vợ chồng ông bà cố ý tránh mặt không gặp. Nay ông N yêu cầu vợ chồng ông H, bà O trả số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ khi khởi kiện đến nay theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và 27.500.000 đồng tiền lãi được tính theo lãi suất do nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả là 11 tháng (tính từ thời điểm viết đơn khởi kiện đến nay).

Theo bản tự khai ngày 05 tháng 9 năm 2019, bà Đỗ Thị L là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn L trình bày: Bà thống nhất về số nợ, quá trình vay nợ giữa ông Trần Minh N và vợ chồng ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O như ông N trình bày là đúng, có sự chứng kiến của ông L, do ông L là người đứng ra giới thiệu việc cho vay nêu trên giữa các bên. Nay ông N khởi kiện ông H, bà O trả khoảng nợ trên là có cơ sở, ông L không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Mộng H và bà Nguyễn Kiều O vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà O có trách trả cho ông Trần Minh N số tiền mà nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Minh N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O trả tiền từ hoạt động vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H, bà O, ông L, bà Lài.

[3] Về hợp đồng vay tài sản, bị đơn không có ý kiến gì đối với nội dung vụ án. Theo Kết luận giám định số 33/GD-CP09 ngày 15 tháng 3 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Cà Mau thể hiện chữ ký, chữ viết trên giấy nhận nợ mà ông N suất trình là của ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O. Mặc khác, người liên quan là ông L cũng thừa nhận có việc vợ chồng ông H, bà O mượn tiền của ông N. Do đó, áp dụng Điều 91,Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có đủ chứng cứ chứng minh vợ chồng ông H, bà O có nợ của ông N 300.000.000 đồng như ông N yêu cầu.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của ông N, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng ông H, bà O có vay nợ của ông N nên theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, vợ chồng ông H, bà O phải có trách nhiệm trả nợ cho ông N. Ông N yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến nay là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó, áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần buộc vợ chồng ông H, bà O phải trả lãi 300.000.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng = 27.500.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông H, bà O phải trả cho nguyên đơn số tiền là 327.500.000 đồng, trong đó bao gồm 300.000.000 đồng tiền gốc và 27.500.000 đồng tiền lãi.

[5] Chi phí tố tụng: Trong quá trình tố tụng, tòa án có tiến hành thủ tục giám định chữ ký và chữ viết để thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có phát sinh chi phí tố tụng với số tiền là 4.880.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng nêu trên, nguyên đơn đã dự nộp trước nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông H, bà O phải chịu là 327.500.000 đồng x 5% = 16.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Toàn bộ yêu cầu của ông N được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

1. Buộc vợ chồng ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O phải trả cho ông Trần Minh N 327.500.000 (ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; trong đó bao gồm 300.000.000 đồng tiền gốc và 27.500.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn ông Trần Minh N số tiền 4.880.000 đồng.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Phạm Mộng H, bà Nguyễn Kiều O phải chịu 16.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trần Minh N 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003459 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp